TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 12 - 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Trần Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa:

***1. Nguyên đơn*:** Anh Lê Quang Th1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

***2. Bị đơn*:** Chị Hà Thị Th2, sinh năm 1986.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ 6, thị trấn B, huyện Kim B, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, anh Lê Quang Th1 là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Hà Thị Th2 kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký ngày 03 tháng 02 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Kim B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ 6, thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Tháng 6 năm 2009, chị Th2 bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là tổ 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam, kể từ đó cho đến nay đã hơn 09 năm chị Th2 không về chung sống cùng anh. Anh không biết chị Th2 đi đâu, làm gì, ở đâu, mặc

dù anh đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm chị Th2 nhưng không có tin tức gì. Vì vậy, anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng tuyên bố chị Hà Thị Th2 mất tích theo quy định của pháp luật. Ngày 07/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã mở phiên họp và ra Quyết định số 02/2018/QĐDS-ST chấp nhận yêu cầu của anh, tuyên bố chị Hà Thị Th2 mất tích. Kể từ ngày Tòa án ra quyết định tuyên bố chị Th2 mất tích đến nay chị Th2 vẫn không về chung sống cùng anh và cũng không có mặt ở địa phương. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị Th2.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Quang Th3, sinh ngày 11/7/2006, cháu Th3 đang ở với anh từ khi chị Th2 bỏ đi. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th3 cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, anh không yêu cầu chị Th2 cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Hà Thị Th2 là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của pháp luật và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Xử ly hôn giữa anh Lê Quang Th1 và chị Hà Thị Th2. Về con chung: Giao cháu Lê Quang Th3, sinh ngày 11/7/2006 cho anh Th1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th3 đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Th2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí ly hôn sơ thẩm, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận

định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Lê Quang Th1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Hà Thị Th2 là bị đơn, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố số 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Hà Thị Th2 đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn B và tại nơi cư trú cuối cùng nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Quang Th1 và chị Hà Thị Th2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 02 năm 2006, tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Th1 và chị Th2 sống tại tổ 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Tháng 6 năm 2009, chị Th2 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là tổ 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam, kể từ đó cho đến nay đã hơn 09 năm chị Th2 không về chung sống cùng anh Th1. Anh Th1 không biết chị Th2 làm gì, ở đâu, mặc dù anh đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm chị Th2 nhưng cũng không có tin tức gì nên anh Th1 đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng tuyên bố chị Hà Thị Th2 mất tích và được Tòa án chấp nhận theo Quyết định số 02/2018/QĐDS-ST ngày 07/6/2018. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố chị Th2 mất tích cho đến nay, chị Th2 vẫn không trở về chung sống cùng anh Th1 và cũng không có mặt ở địa phương. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Th1, chị Th2 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th1 xin ly hôn chị Th2 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự.

[3] Về con chung: Anh Th1, chị Th2 có một con chung là cháu Lê Quang Th3, sinh ngày 11/7/2006, cháu Th3 ở với anh Th1 từ năm 2009 đến nay được anh Th1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo tốt về mọi mặt. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh Th1 xin được nuôi con, không yêu cầu chị Th2 cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của anh Th1 là tự nguyện, phù hợp với thực tế và các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lê Quang Th1 xin ly hôn được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa Anh Lê Quang Th1 và chị Hà Thị Th2.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quang Th3, sinh ngày 11/7/2006 cho anh Lê Quang Th1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Hà Thị Th2 không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh Th1.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Lê Quang Th1 phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Th1 đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001399 ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Th1 đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Anh Lê Quang Th1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Hà Thị Th2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Ba Sao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Nguyệt

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Ba Sao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19- 01 - 2018
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơ.

2. Bà Trần Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh Duy, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Huyền, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Thành Công, xã Eana, huyện Krông Ana, tỉnh Đắc Lắck. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, anh Nguyễn Thanh Duy là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh Huyền kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 12/8/2015, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau về quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Tháng 2 năm 2016 chị Huyền bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 1, thôn Thành Công, xã Eana, huyện Krông Ana, tỉnh Đắclăk. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn với chị Huyền.

Tại các bản tự khai ngày 06/9/2017, ngày 18/9/2017 và ngày 26/10/2017, chị Nguyễn Thị Thanh Huyền là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hòa thuận, mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như anh Duy đã trình bày. Anh Duy xin ly hôn chị đồng ý vì xác định tình cảm với anh Duy không còn. Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nhưng do công việc, đường xa nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

Về con chung, con riêng, về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp: Anh Duy, chị Huyền trình bày thống nhất, không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi, bổ sung gì khác. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh Duy và chị Nguyễn Thị Thanh Huyền. Về con chung, con riêng, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp: Anh Duy, chị Huyền trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Duy xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng (Anh Duy xin chịu thay cả phần án phí của chị Huyền) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Duy đã nộp; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh Duy, địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Nguyễn Thị Thanh Huyền, địa chỉ nơi cư trú: Xóm 1, thôn Thành Công, xã Eana, huyện Krông Ana, tỉnh Đắc Lăck. Anh Duy, chị Huyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản lập ngày 12/10/2016 có sự xác nhận của chính quyền địa phương, giấy xác nhận nơi cư trú của chị Huyền. Anh Duy và chị Huyền thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng nơi cư trú của anh Duy để giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho chị Huyền theo quy định của pháp luật và ra quyết định ủy thác cho Tòa án huyện Krông Ana, tỉnh Đắc Lăck lấy lời khai của chị Huyền nhưng không lấy lời khai được. Ngày…/…./2017 anh Duy đến Tòa án nộp bản tự khai của chị Huyền nhưng Tòa án xét thấy không khách quan nên ủy thác lần 2 để lấy lời khai của chị Huyền và Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, cần đợi kết quả ủy thác. Ngày …../…./2017, Tòa án nhận được bản tự khai đề ngày 26/10/2017 do chị Huyền gửi đến. Vì vậy tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã đầy đủ căn cứ để giải quyết vụ án nên Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử. Chị Nguyễn Thị Thanh Huyền là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm để nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh Duy và chị Nguyễn Thị Thanh Huyền kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 12/8/2015, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Duy, chị Huyền chung sống hòa thuận được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Tháng 2 năm 2016 chị Huyền

về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 1, thôn Thành Công, xã Eana, huyện Krông Ana, tỉnh Đắclăk. Anh Duy, chị Huyền sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Duy và chị Huyền đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Duy xin ly hôn chị Huyền đồng ý, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn và tự nguyện ly hôn được Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung, con riêng, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp: Anh Duy, chị Huyền trình bày, không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Duy, chị Huyền thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Duy xin chịu toàn bộ án phí, (Anh Duy xin chịu thay cho cả phần án phí của chị Huyền) để được trừ khoản tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đồng. Xét thấy, anh Duy xin chịu toàn bộ án phí là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quyền kháng cao: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh Duy và chị Nguyễn Thị Thanh Huyền.

2. Án phí: Anh Nguyễn Thanh Duy chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Anh Duy xin chịu thay cả phần án phí của chị Huyền). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Duy đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2015/0001155 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Anh Duy đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Thanh Duy có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thanh Huyền có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Ba Sao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- UBND xã Nhật Tựu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt

1. Khai mạc tại phiên tòa

- Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.
- Thư ký phiên tòa báo cáo Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt.
- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự, người tham gia tố tụng khác.
- Chủ tọa phiên tòa phổ biến quyền, nghĩa vụ của đương sự và của người tham gia tố tụng khác.
- Chủ toạ phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch.
- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người có quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch xem họ có yêu cầu thay đổi ai không.
- Yêu cầu người làm chứng cam kết khai báo đúng sự thật, nếu khai không đúng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trừ trường hợp người làm chứng là người chưa thành niên.
- Yêu cầu người giám định, người phiên dịch cam kết cung cấp kết quả giám định chính xác, phiên dịch đúng nội dung cần phiên dịch.

2. Thủ tục hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu

Chủ tọa phiên tòa hỏi đương sự về các vấn đề sau đây:

- Hỏi nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không.
- Hỏi bị đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố hay không.
- Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu độc lập hay không.

3. Hỏi đương sự về việc các đương sự có thỏa thuận được với

nhau không:

Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không; trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức

4. Trình bày của đương sự:

Trường hợp có đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì các đương sự trình bày theo trình tự sau đây:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến.
- Trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án thì đại diện cơ quan, tổ chức trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu, đề nghị của nguyên đơn, bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến.

5. Hỏi tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn hỏi trước, tiếp đến bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của bị đơn, sau đó là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Những người tham gia tố tụng khác;
- Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân;
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

6. Tranh luận tại phiên tòa:

Trình tự phát biểu khi tranh luận:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến. Trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện thì đại diện cơ quan, tổ chức trình bày ý kiến. Người có quyền và lợi ích hợp pháp được bảo vệ có quyền bổ sung ý kiến;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận, đối đáp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến;
- Các đương sự đối đáp theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa;

7. Phát biểu của Kiểm sát viên :

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

8. Nghị án:

- Sau khi kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.
- Khi nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử. Biên bản nghị án phải được các thành viên Hội đồng xét xử ký tên tại phòng nghị án trước khi tuyên án.
- Trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, việc nghị án đòi hỏi phải có thời gian dài thì Hội đồng xét xử có thể quyết định thời gian nghị án nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa.
- Hội đồng xét xử phải thông báo cho những người có mặt tại phiên tòa và người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa về giờ, ngày và địa điểm tuyên án. Trường hợp Hội đồng xét xử đã thực hiện

việc thông báo mà có người tham gia tố tụng vắng mặt vào ngày, giờ và địa điểm tuyên án thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc tuyên án theo quy định tại Điều 267 của Bộ luật này.

9. Tuyên án

- Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án với sự có mặt của các đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức và cá nhân khởi kiện. Trường hợp đương sự có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án hoặc vắng mặt trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 264 của Bộ luật TTDS thì Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án.
- Khi tuyên án, mọi người trong phòng xử án phải đứng dậy, trừ trường hợp đặc biệt được sự đồng ý của chủ tọa phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án và có thể giải thích thêm về việc thi hành bản án và quyền kháng cáo.
- Trường hợp Tòa án xét xử kín theo quy định thì Hội đồng xét xử chỉ tuyên công khai phần mở đầu và phần quyết định của bản án.
- Trường hợp đương sự cần có người phiên dịch thì người phiên dịch phải dịch lại cho họ nghe toàn bộ bản án hoặc phần mở đầu và phần quyết định của bản án được tuyên công khai.